

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **20A/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/8/2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vy và bà Trần Thị Thanh Xuân.

-Thư ký phiên toà: Bà Dương Thanh Huệ, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trường Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (số 60 Nguyễn Huệ - Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 177/2020/TLST-HNGĐ ngày 27/4/2020; Về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con,” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên toà số: 146/2020/QĐST- HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Quỳnh N, sinh năm: 1987; địa chỉ: 43 (số mới 53) đường N, phường P, thành phố Huế, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm: 1984; địa chỉ: 43 (số mới 53) đường N, phường P, thành phố Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Trần Thị Quỳnh N đều trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hữu H chung sống với nhau từ năm 2004, đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn, đã được UBND phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế chứng nhận kết hôn vào ngày 15/6/2008. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chị chung sống với nhau không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, anh H hay rượu chè về nhà gây gỗ, chửi bới vợ con, sống không có trách nhiệm với gia đình. Mâu thuẫn kéo dài trầm trọng nên từ năm 2018 cho đến nay thì vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị N khai chị và anh H có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 11/7/2005 và Nguyễn Hữu H, sinh ngày 14/7/2010, hiện cả hai cháu đang ở với chị. Chị N có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N khai vợ chồng chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Hữu H không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên tòa, anh Hùng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại biên bản lấy khai ngày 08/7/2020, bà Tôn Nữ H (mẹ của anh H) trình bày: Chị N và anh H chung sống với nhau không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H ham chơi, ít chăm lo cho gia đình nên vợ chồng sống ly thân đã hơn hai năm nay.

Tại biên bản xác minh ngày 08/7/2020, chính quyền địa phương phường P cho biết: Anh H và chị N kết hôn hợp pháp tại UBND phường P, thành phố Huế vào ngày 15/6/2008. Khi còn chung sống với nhau, thì vợ chồng anh H chị N thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân đã hơn hai năm nay. Chị N cùng hai con chuyển ra ngoài ở riêng còn anh H sống cùng cha mẹ ruột tại 53 đường N, phường P, thành phố Huế. Nay chị N xin ly hôn anh H thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh H, được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Đối với nguyên đơn: đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là đã vi phạm theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 58, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội để giải quyết theo hướng: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Quỳnh N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Quỳnh N được ly hôn anh Nguyễn Hữu H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Khánh L và Nguyễn Hữu H cho chị Trần Thị Quỳnh N chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không yêu cầu Toà án giải quyết nên Viện kiểm sát không xem xét.

Về án phí: Buộc chị N sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị N khởi kiện xin ly hôn anh H có nơi cư trú: 53 đường N, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Hùng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị N và anh H có quá trình chung sống với nhau, trên cơ sở tự nguyện, hai bên đã đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế theo chứng nhận kết hôn vào ngày 15/6/2008. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về yêu cầu xin ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo trình bày của chị N thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, anh H hay rượu chè về nhà gây gỗ, chửi bới vợ con, sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay là phù hợp với xác minh tại chính quyền địa phương phường P, thành phố Huế xác nhận “*hiện nay chị N không còn chung sống với anh H tại 53 đường N, phường P, thành phố Huế*”. Như vậy, có cơ sở xác định đời sống chung hiện nay giữa anh H và chị N không tồn tại.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Toà án đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập, nhưng anh H vẫn không đến Toà án để làm việc, hòa giải và không tham gia xét xử tại phiên tòa, không liên lạc với chị N là thể hiện sự bỏ mặc, không có thiện chí mong muốn để hòa giải đoàn tụ gia đình, nên mục đích hôn nhân là không thể đạt được.

Xét thấy hôn nhân giữa anh H và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế, nên Hội đồng xét xử căn áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận đơn của chị N, cho chị N được ly hôn anh H.

[2.3] Về con chung: Chị N và anh H có hai con chung là Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 11/7/2005 và Nguyễn Hữu H, sinh ngày 14/7/2010, hiện cả hai cháu đang ở với chị.

Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N và anh H do không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, anh H hay rượu chè về nhà gây gỗ, chửi bới vợ con, sống không có trách nhiệm với gia đình, mặt khác còn hay đánh đập chị; Tại Bản tự khai ngày 15/5/2020 của cháu Nguyễn Ngọc Khánh L và Nguyễn Hữu H thể hiện nội dung: Nếu ba mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng sống với mẹ. Nhằm để đảm bảo sự phát triển bình thường, ổn định tâm lý và phù hợp với nguyện vọng của hai cháu cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không gây xáo trộn việc hiện nay hai cháu đang ở với chị N, nên Hội đồng xét xử cần phải giao hai cháu Nguyễn Ngọc Khánh L và Nguyễn Hữu H cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Do chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị N và anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về án phí:

Chị Như phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm gồm 300.000 đồng.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Quỳnh N.

Chị Trần Thị Quỳnh N được ly hôn anh Nguyễn Hữu H.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 11/7/2005 và cháu Nguyễn Hữu H, sinh ngày 14/7/2010 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Trần Thị Quỳnh N và anh Nguyễn Hữu H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

Án phí ly hôn: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm gồm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 009743 ngày 23/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh TTHuế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục Thi hành án TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế

